**RÀ SOÁT CHI TIẾT PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỚI CÁC NGHĨA VỤ CAM KẾT TRONG HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO EU-VN**
**LĨNH VỰC: HẢI QUAN VÀ TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI**

| **Cam kết EVFTA** | **Pháp luật Việt Nam liên quan** | **Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp** |
|---|---|---|
| **Chapter 5: CUSTOMS AND TRADE FACILITATION**<br>**Article 1**<br>**Objectives** | | |
| 1. The Parties recognise the importance of customs and trade facilitation matters in the evolving global trading environment. The Parties agree to reinforce cooperation in this area with a view to ensuring that the legislation and procedures fulfil the objectives of promoting trade facilitation while ensuring effective customs control. | Điều 3, Điều 6, Điều 8 Luật Hải quan 2014[1]<br>Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật 2015<br>***Điều 3. Chính sách về hải quan***<br>***1. Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.***<br>2. Xây dựng Hải quan Việt Nam trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động minh bạch, hiệu lực, hiệu quả. | **Đánh giá:**<br>PLVN đã phù hợp với cam kết tại Điều 1 về các chính sách và nguyên tắc về hoạt động hải quan<br>**Đề xuất:**<br>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật |

[1] Luật số 54/2014/QH13 của Quốc hội ngày 23 tháng 6 năm 2014 về Hải quan ("**Luật Hải quan 2014**")

| | | |
|---|---|---|
| | ***Điều 6. Hoạt động hợp tác quốc tế về hải quan***<br>1. Hoạt động hợp tác quốc tế về hải quan bao gồm:<br>b) Tổ chức khai thác, trao đổi thông tin và hợp tác nghiệp vụ với Hải quan các nước, các tổ chức quốc tế có liên quan; | |
| 2. To this end, the Parties agree that legislation shall be non-discriminatory and that customs procedures shall be based upon the use of modern methods and effective controls to combat fraud and to promote legitimate trade. | Điều 2, 8 Luật Hải quan<br>***Điều 2.*** Đối tượng áp dụng<br>1. Tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.<br>2. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.<br>***Điều 8. Hiện đại hóa quản lý hải quan***<br>1. Nhà nước ưu tiên đầu tư thiết bị kỹ thuật, phương tiện hiện đại, công nghệ tiên tiến để bảo đảm hiệu quả quản lý hải quan; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghệ và phương tiện kỹ thuật tiên tiến để bảo đảm áp dụng phương pháp quản lý hải quan hiện đại. Tổ chức, cá nhân hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu có trách nhiệm tham gia xây dựng, thực hiện giao dịch điện tử và thủ tục hải quan điện tử.<br>2. Hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật trao đổi | Đánh giá<br>- Luật Hải quan quy định đối tượng điều chỉnh chung, các quy định của Luật Hải quan cũng như các văn bản hướng dẫn cũng áp dụng chung cho tất các nhóm đối tượng (không phân biệt Việt Nam hay nước ngoài). Vì vậy PLVN đã tuân thủ EVFTA về vấn đề này<br>- Về việc sử dụng các phương pháp hiện đại và hiệu quả: PLVN đã quy định về phương pháp quản lý hải quan điện tử<br>- Về việc kiểm soát hiệu quả để chống gian lận và thúc đẩy thương mại hợp pháp: PLVN quy định về các biện pháp kiểm soát hải quan; còn mức độ hiệu quả thì thuộc vấn đề thực thi, không đánh giá được qua pháp luật<br>**Đề xuất:**<br>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật<br>- Về thực thi: Tăng cường các hoạt động nhằm tăng hiệu quả của việc kiểm soát chống gian lận và tạo điều |

| | | |
|---|---|---|
| | dữ liệu điện tử, giá trị pháp lý của chứng từ điện tử trong việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.” | kiện cho thương mại hợp pháp phát triển |
| 3. The Parties recognise that legitimate public policy objectives, including in relation to security, safety and fight against fraud shall not be compromised in any way. | **Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015**[2]<br>***Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật***<br>5. Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. | **Đánh giá**<br>PLVN đã phù hợp với cam kết tại khoản 3 Điều 1 EVFTA. Ngoài ra, cần chú ý rằng đây là quyền, không phải nghĩa vụ bắt buộc trong EVFTA.<br>**Đề xuất**<br>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật |
| **Article 2**<br>**Customs cooperation and mutual administrative assistance**<br>1. The Parties shall cooperate on customs matters between their respective authorities in order to ensure that the objectives set out in Article 1 are attained.<br>2. The Parties shall develop cooperation, inter alia:<br>(a) exchanging information concerning customs legislation, its implementation, and customs procedures; particularly in the following areas: - simplification and modernisation of customs procedures, - | Điều 6 Luật Hải quan 2014 | **Đánh giá**<br>Đây là vấn đề phối hợp hành chính giữa cơ quan có thẩm quyền của EU và VN, không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội địa về hải quan (không điều chỉnh hành vi của các chủ thể xuất nhập khẩu).<br>Đề xuất<br>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật;<br>- Nếu cần thiết có thể ban hành Thông tư riêng về quy trình hợp tác, phối hợp hành chính giữa EU-VN (với nội dung là các cam kết tại Protocol X và ghi nhận nguyên tắc tại Điều 2 này của EVFTA) để áp dụng chỉ cho các |

[2] Luật số 80/2015/QH13 của Quốc hội ngày 22 tháng 6 năm 2015 về Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

| | | |
|---|---|---|
| enforcement of intellectual property rights by the customs authorities, - facilitation of transit movements and transhipment; - relations with the business community,<br><br>(b) considering developing joint initiatives relating to import, export and other customs procedures including technical assistance, as well as towards ensuring an effective service to the business community;<br><br>(c) strengthening their cooperation in the field of customs in international organisations such as the Word Trade Organisation (WTO) and the World Customs Organisation (WCO).<br><br>(d) establishing, where relevant and appropriate, mutual recognition of trade partnership programmes and customs controls including equivalent trade facilitation measures.<br><br>3. The Parties shall provide each other with mutual administrative assistance in customs matters in accordance with the provisions of Protocol X. | | Cơ quan, cán bộ thuộc các Cơ quan liên quan |
| **Article 3**<br><br>**Customs and legislative procedures** | | |
| 1. The Parties agree that their respective customs provisions and procedures shall be based upon: | Việt Nam đã tham gia Công ước Kyoto về đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan; Công ước quốc tế về Hệ thống hài | **Đánh giá:**<br>- Việt Nam đã tham gia và đã có văn bản thực thi để áp dụng các công ước quốc tế |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| (a) international instruments and standards applicable in the area of customs and trade, including the substantive elements of the Revised Kyoto Convention on the Simplification and Harmonisation of Customs Procedures, the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System (hereinafter referred as "HS Convention"), the Framework of Standards to Secure and Facilitate Global Trade of the World Customs Organisation and the Customs Data Model of the World Custom Organization;<br><br>(b) the protection of legitimate trade through effective enforcement and compliance of legislative requirements;<br><br>(c) legislation that avoids unnecessary or discriminatory burdens on economic operators, that provides for further facilitation for operators with high levels of compliance, and that ensures safeguards against fraud and illicit or damageable activities;<br><br>(d) measures, procedures and remedies shall be proportionate and non-discriminatory and in their application shall not unduly delay the release of goods; | hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan thế giới (Công ước HS); Việt Nam đã là thành viên của Tổ chức Hải quan thế giới.<br><br>Điều 3, Điều 9, Điều 26.3, Điều 37 Luật Hải quan 2014<br><br>**Luật Hải quan**<br><br>***Điều 26. Phân loại hàng hóa***<br><br>3. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xây dựng trên cơ sở áp dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa.<br><br>**Nghị định 08/2015/NĐ-CP**<br><br>***Điều 13. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan***<br><br>1. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra và các biện pháp nghiệp vụ khác dựa trên việc tổng hợp, xử lý các kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro.<br><br>***Điều 15. Thực hiện phân loại mức độ rủi ro***<br><br>1. Việc phân loại mức độ rủi ro trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được thực hiện dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của người khai hải quan.<br><br>2. Trong quá trình phân loại mức độ rủi ro, cơ quan hải quan xem xét các yếu tố liên quan, gồm: | theo quy định của Điều 3 Chương Hải quan của Hiệp định EVFTA<br><br>- Các quy tắc về minh bạch, giảm thiểu thời gian không cần thiết trong khi tiến hành thủ tục hải quan đã được thể hiện trong chính sách của Việt Nam và trong việc thí điểm các biện pháp nhằm rút ngắn thời gian tiến hành thủ tục hải quan.<br><br>- Các quy định, thủ tục, biện pháp trong PLVN về hải quan không phân biệt đối xử giữa các nhóm chủ thể khác quốc tịch;<br><br>- PLVN quy định việc kiểm soát hải quan thông qua cơ chế phân loại theo mức độ rủi ro, qua đó giảm thủ tục đối với các trường hợp ít rủi ro, tạo điều kiện cho thương mại hợp pháp;<br><br>- PLVN đã có quy địnhxử lý các trường hợp cụ thể nhằm hạn chế việc chậm trễ trong thông quan<br><br>- Về hiệu quả bảo đảm không tạo gánh nặng/vướng mắc không cần thiết; bảo vệ thương mại hợp pháp thông qua các biện pháp thực thi hiệu quả: VN đã có những cải cách được ghi nhận về vấn đề này. Tuy nhiên, đây là vấn đề thuộc về thực tế thực thi, chưa đo đếm định lượng chính xác được<br><br>**Đề xuất**<br><br>Không đề xuất sửa đổi, chỉnh sửa gì về pháp luật |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | a) Chính sách quản lý, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hành lý của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;<br><br>b) Tính chất, đặc điểm của hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải;<br><br>c) Tần suất, tính chất, mức độ vi phạm liên quan đến hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải;<br><br>d) Xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh;<br><br>đ) Tuyến đường, phương thức vận chuyển hàng hóa, hành lý;<br><br>e) Các yếu tố khác liên quan đến quá trình hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.<br><br>3. Cơ quan hải quan thực hiện đánh giá phân loại rủi ro đối với người khai hải quan, các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo các mức độ khác nhau để áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan, thanh tra phù hợp. | Chú ý công tác thực thi: tiếp tục tăng cường cải cách thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại hợp pháp |
| 2. In order to improve working methods, as well as to ensure non-discrimination, transparency, efficiency, integrity and accountability of operations, the Parties shall: | Luật Hải quan<br><br>Nghị định 08/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hải quan về thủ tục hải quan<br><br>Quyết định 48/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 31/08/2011 về việc thí điểm | **Đánh giá**<br><br>- PLVN đã có quy định về việc thường xuyên rà soát các văn bản pháp luật (suy đoán là rà soát cả các yêu cầu và thủ tục nêu trong các văn bản này)<br>- PLVN đã có quy định cho phép giải |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| (a) simplify and review requirements and formalities wherever possible; in respect of the rapid release and clearance of goods, inter alia allowing the release of goods, without the payment of customs duties, subject to the provision of a guarantee, if required, according to legislation of the Parties, in order to secure the final payment of customs duties.<br><br>(b) work towards the further simplification and standardisation of data and documentation required by customs and other agencies; | thực hiện Cơ chế hải quan một cửa quốc gia<br><br>Luật Ban hành VBQPPL<br><br>Các Nghị quyết 19 năm 2014, 2015 của Chính phủ<br><br>***Luật Hải quan***<br><br>***Điều 37. Thông quan hàng hóa***<br><br>1. Hàng hóa được thông quan sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan.<br><br>2. Trường hợp người khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan nhưng chưa nộp, nộp chưa đủ số thuế phải nộp trong thời hạn quy định thì hàng hóa được thông quan khi được tổ chức tín dụng bảo lãnh về số tiền thuế phải nộp hoặc được áp dụng thời hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.<br><br>3. Trường hợp chủ hàng hóa bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan bằng hình thức phạt tiền và hàng hóa đó được phép xuất khẩu, nhập khẩu thì hàng hóa có thể được thông quan nếu đã nộp phạt hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh về số tiền phải nộp để thực hiện quyết định xử phạt của cơ quan hải quan hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.<br><br>4. Đối với hàng hóa phải kiểm tra, phân tích, giám định để xác định có đủ điều kiện được xuất khẩu, nhập khẩu, cơ quan hải quan chỉ thực hiện thông quan hàng | phóng và thông quan nhanh khi chưa nộp thuế hải quan mà chỉ cần nộp khoản bảo lãnh;<br>- Pháp luật và thực tiễn VN đã có các quy định hướng tới việc đơn giản hóa và tiêu chuẩn hóa (thông qua phương tiện điện tử) các dữ liệu và tài liệu mà cơ quan hải quan và các cơ quan liên quan yêu cầu<br><br>**Đề xuất**<br><br>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật<br>- Đẩy nhanh tiến trình hiện thực hóa Cơ chế một cửa quốc gia về hải quan<br>- Tiếp tục các nỗ lực hiện tại trong cải cách thủ tục hành chính về hải quan (Nghị quyết 19 của Chính phủ) để đảm bảo mục tiêu nêu tại Khoản này của EVFTA trong việc đơn giản |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | hóa sau khi xác định hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở kết luận kiểm tra, phân tích, giám định hoặc thông báo miễn kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.<br><br>5. Hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp; hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng; túi ngoại giao, túi lãnh sự, hành lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ được thông quan theo quy định tại Điều 50 và Điều 57 của Luật này.<br><br>***Luật Ban hành VBQPPL***<br><br>Điều 170. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật<br><br>1. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật.<br><br>Cơ quan, tổ chức và công dân có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa | |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật.<br><br>2. Hoạt động rà soát văn bản phải được tiến hành thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát văn bản. Hoạt động hệ thống hóa văn bản phải được tiến hành định kỳ, kịp thời công bố Tập hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực.<br><br>3. Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; các cơ quan nhà nước quyết định rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước.<br><br>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.<br><br>***Luật Hải quan, Nghị định 08/2015/NĐ-CP***có các Điều khoản dự liệu về Cơ chế một cửa quốc gia<br><br>***Quyết định 48/2011/QĐ-TTg về thí điểm thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia***<br><br>- Điều 2: Thực hiện thí điểm với 6 Bộ; với một số nội dung được liệt kê<br><br>- Điều 3: Nguyên tắc về trách nhiệm của doanh nghiệp trong tham gia cơ chế một cửa quốc gia<br><br>***Thông tư liên tịch số 84/2013/TTLT-BTC-BCT-BGTVT hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia về hải quan giữa 03 Bộ***: | |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | Các quy định về cách thức triển khai, phối hợp giữa các cơ quan và với doanh nghiệp trong thí điểm cơ chế một cửa ở các nội dung nhất định<br><br>***Nghị định 16/2013/NĐ-CP về rà soát, hệ thống hóa pháp luật***<br><br>Điều 3, 4: hoạt động rà soát VBPL phải được rà soát thường xuyên, ngay khi có căn cứ cho việc rà soát nhằm phát hiện quy định không còn phù hợp với tình hình | |
| **Article 4**<br><br>**Release of Goods**<br><br>Each Party shall ensure that its customs shall apply requirements and procedures that:<br><br>1. provide for the release of goods within a period no greater than that required to ensure compliance with its customs and other trade-related laws and formalities. Each party shall work to further reduce release times and release the goods without undue delay;<br><br>2. provide for advance electronic submission and eventual processing of information before physical arrival of goods, so-called pre-arrival processing, to enable the release of goods on arrival. | Điều 25, 29, 33, 34, 36, 37Luật Hải quan<br><br>Nghị định 08/2015/NĐ-CP<br><br>Quyết định 48/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ<br><br>**Luật Hải quan**<br><br>**Điều 25. Thời hạn nộp hồ sơ hải quan**<br><br>1. Thời hạn nộp tờ khai hải quan được quy định như sau:<br><br>b) Đối với hàng hóa nhập khẩu, nộp trước ngày hàng hóa đến cửa khẩu hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng hóa đến cửa khẩu;<br><br>Điều 37: Thông quan hàng hóa trong các trường hợp khác nhau (trong đó có các trường hợp cho phép đẩy nhanh việc thông quan)<br><br>Điều 29: Khai hải quan thực hiện theo | **Đánh giá**<br><br>PLVN đã đáp ứng yêu cầu của EVFTA về việc:<br><br>- thông quan hàng nhanh chóng và tiếp tục giảm thời gian giải phóng hàng<br>- làm thủ tục hải quan điện tử và xử lý tờ khai điện tử trước khi hàng đến để tạo điều kiện cho việc thông quan hàng ngay khi hàng đến<br><br>**Đề xuất**<br><br>Không cần sửa đổi, bổ sung gì về pháp luật |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | phương thức điện tử<br>Điều 30, 33: Việc kiểm tra thực tế chỉ giới hạn ở những trường hợp được quy định cụ thể<br>**Nghị định 08/2015/NĐ-CP**<br>Điều 7. Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia<br>Việc khai hải quan, tiếp nhận, xử lý thông tin của người khai, tiếp nhận kết quả xử lý, ra quyết định cuối cùng về thông quan đều được thực hiện thông qua hệ thống thông tin tích hợp (điện tử) – Công thông tin một cửa quốc gia<br>Điều 25 quy định khai hải quan phải thực hiện theo phương thức điện tử (trừ một số ít trường hợp được liệt kê) | |
| **Article 5**<br>**Simplified Customs Procedures** | | |
| 1. Each Party shall provide for simplified customs procedures that are transparent and efficient in order to reduce costs and increase predictability for economic operators, including for small and medium sized enterprises. Easier access to customs simplifications shall also be provided for authorised traders according to objective and non-discriminatory criteria. | Điều 17, 24, 30, 33, 36, 37 Luật Hải quan 2014<br>Mục 2 - Chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp Luật Hải quan 2014<br>Nghị định 08/2015/NĐ-CP<br>Thông tư 72/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 12/05/2015 về quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện | **Đánh giá**<br>PLVN cơ bản đã đáp ứng yêu cầu của EVFTA tại khoản này trừ<br>- Liên quan tới SME: PLVN quy định các tiêu chí/điều kiện để được hưởng cơ chế ưu tiên, trong đó có tiêu chí/điều kiện về kim ngạch XNK hàng năm. Với điều kiện này, hầu như các doanh nghiệp SME sẽ không thể |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp<br><br>**Luật Hải quan**<br><br>**Điều 42. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên**<br><br>1. Doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:<br><br>a) Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục;<br><br>b) Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm đạt mức quy định;<br><br>c) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp nối mạng với cơ quan hải quan;<br><br>d) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng;<br><br>đ) Có hệ thống kiểm soát nội bộ;<br><br>e) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán.<br><br>2. Doanh nghiệp ưu tiên thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ có ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về doanh nghiệp ưu tiên với Việt Nam được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật này.<br><br>3. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, chế độ ưu tiên, việc quản lý đối | tiếp cận cơ chế ưu tiên trong thủ tục hải quan này (trừ trường hợp SME làm thủ tục hải quan thông qua đại lý hải quan đáp ứng các tiêu chí/điều kiện và được hưởng cơ chế ưu tiên);<br>- Liên quan tới tính "không phân biệt đối xử" của các tiêu chí cho hưởng cơ chế ưu tiên: Tiêu chí "doanh nghiệp công nghệ cao" và "hàng hóa nhập khẩu cho dự án trọng điểm" tại các khoản 5 và 6 Điều 10 Nghị định 08/2015/NĐ-CP tạo ra phân biệt đối xử giữa các chủ thể liên quan. Do đó các quy định này chưa tuân thủ yêu cầu bắt buộc của EVFTA ở khoản này. Hơn nữa, cần chú ý là các điều kiện nêu tại 02 khoản này của Điều 10 Nghị định nằm ngoài các điều kiện nêu tại Điều 42 Luật Hải quan, do đó dường như trái với Luật Hải quan về vấn đề này.<br><br>**Đề xuất**<br><br>- Đề xuất cân nhắc điều chỉnh lại các quy định cụ thể tại các khoản 4,5,6 Điều 10Nghị định 08/2015/NĐ-CP về tiêu chí/điều kiện về kim ngạch XNK hàng năm theo hướng:<br>+ Giảm mức kim ngạch xuống cho phù hợp với năng lực xuất nhập khẩu trung bình của đa số các SMEs.<br>+ Bỏ khoản 5, 6 Điều 10<br>- Trong trường hợp chưa thể áp dụng chung thì cần có Thông tư hướng dẫn riêng về tiêu chí/điều kiện ưu tiên này, áp dụng cho hàng hóa xuất, nhập |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên.<br><br>**Điều 43. Chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp**<br><br>1. Miễn kiểm tra chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật.<br><br>2. Được làm thủ tục hải quan bằng tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc kể từ ngày nộp chứng từ thay thế tờ khai hải quan, người khai hải quan phải nộp tờ khai hải quan hoàn chỉnh và các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan.<br><br>3. Được ưu tiên khi thực hiện thủ tục về thuế đối với hàng hóa theo quy định của pháp luật về thuế.<br><br>**Nghị định 08/2015/NĐ-CP**<br><br>***Điều 10 – Điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên***<br><br>1. Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế<br><br>Trong thời hạn 02 năm liên tục tính đến thời điểm doanh nghiệp nộp văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên, | khẩu giữa Việt Nam và EU để thực hiện EVFTA. Và áp dụng chung (qua việc sửa đổi Nghị định 08/2015/NĐ-CP) ngay khi thích hợp. |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về thuế, hải quan tới mức bị xử lý vi phạm về các hành vi sau:<br><br>a) Các hành vi trốn thuế; gian lận thuế; buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;<br><br>b) Các hành vi vi phạm hành chính có hình thức, mức xử phạt vượt thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương.<br><br>2. Điều kiện về chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán:<br><br>a) Áp dụng các chuẩn mực kế toán theo quy định của Bộ Tài chính;<br><br>b) Báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính nêu trong báo cáo kiểm toán phải là ý kiến chấp nhận toàn phần theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.<br><br>3. Điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ:<br><br>Doanh nghiệp phải thực hiện và duy trì hệ thống, quy trình quản lý, giám sát, kiểm soát vận hành thực tế trong toàn bộ dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất, nhập khẩu của mình.<br><br>4. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, | |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | nhập khẩu:<br><br>a) Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đạt kim ngạch 100 triệu USD/năm;<br><br>b) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đạt kim ngạch 40 triệu USD/năm;<br><br>c) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam đạt kim ngạch 30 triệu USD/năm;<br><br>d) Đại lý thủ tục hải quan: số tờ khai làm thủ tục hải quan trong năm đạt 20.000 tờ khai/năm.<br><br>Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, Điểm d Khoản này là kim ngạch bình quân trong 02 năm liên tiếp tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị xem xét, không bao gồm kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác.<br><br>5. Không áp dụng điều kiện kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Khoản 4 Điều này đối với doanh nghiệp được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao.<br><br>6. Bộ Tài chính xem xét áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 9 Nghị định này đối với hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trọng điểm được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo trước khi cấp | |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | phép đầu tư đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản. | |
| 2. A single administrative document or electronic equivalent shall be used for the purpose of completing the formalities connected with placing the goods under a customs procedure. | **Luật Hải quan**<br>**Điều 24. Hồ sơ hải quan**<br>1. Hồ sơ hải quan gồm:<br>a) Tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan;<br>b) Chứng từ có liên quan.<br>Tùy từng trường hợp, người khai hải quan phải nộp hoặc xuất trình hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn thương mại, chứng từ vận tải, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra hoặc miễn kiểm tra chuyên ngành, các chứng từ liên quan đến hàng hóa theo quy định của pháp luật có liên quan.<br>2. Chứng từ thuộc hồ sơ hải quan là chứng từ giấy hoặc chứng từ điện tử. Chứng từ điện tử phải bảo đảm tính toàn vẹn và khuôn dạng theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.<br>3. Hồ sơ hải quan được nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan tại trụ sở cơ quan hải quan.<br>Trường hợp áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành gửi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra, | **Đánh giá**<br>- Nếu cam kết này được hiểu là chỉ một giấy tờ hành chính duy nhất cho các thủ tục hải quan thì PLVN hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu cam kết.<br>Tuy nhiên, dường như cách hiểu này là không thích hợp, bởi với thủ tục hải quan xuất nhập khẩu hàng hóa, ít nhất luôn có 01 tài liệu là Tờ khai hải quan, ngoài ra rất nhiều hàng hóa ít nhất cần phải có thêm một hoặc nhiều loại giấy tờ hành chính khác, ít nhất là với các loại hàng hóa đặc thù cần các giấy tờ kiểm tra chuyên ngành. Vì vậy, về mặt logic, quy định này không thể được hiểu theo cách này.<br>- Nếu cam kết này được hiểu là đối với mỗi loại giấy tờ hành chính thì chỉ một bản được sử dụng cho toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục hải quan (các cơ quan khác nhau không được yêu cầu người khai hải quan nộp cùng loại giấy tờ cho lần lượt từng cơ quan) thì PLVN mới chỉ đáp ứng một phần cam kết.<br>Cụ thể, PLVN mới chỉ đáp ứng yêu cầu này trong các trường hợp đã thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, và cũng chỉ là với những loại giấy tờ mà các cơ quan cấp dưới dạng điện tử (các cơ quan này khi cấp sẽ tự gửi đến hệ thống xử lý chung, |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | miễn kiểm tra chuyên ngành dưới dạng điện tử thông qua hệ thống thông tin tích hợp.<br><br>4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu tờ khai hải quan, việc sử dụng tờ khai hải quan và chứng từ thay thế tờ khai hải quan, các trường hợp phải nộp, xuất trình chứng từ có liên quan quy định tại khoản 1 Điều này.<br><br>**Nghị định 08/2015/NĐ-CP**<br><br>Quy định hồ sơ hải quan đối với các trường hợp cụ thể (tạm nhập tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu, phương tiện vận tải....) | doanh nghiệp không phải nộp lại nhiều lần). Trong khi đó Cơ chế này hiện đang chỉ vận hành với một thủ tục xuất nhập khẩu của một số loại hàng hóa, thuộc chuyên ngành của một số Bộ. Như vậy, tất cả các trường hợp thực hiện thủ tục hải quan không qua Cơ chế một cửa quốc gia hoặc cả với trường hợp thực hiện qua Cơ chế một cửa nhưng liên quan tới các giấy tờ mà doanh nghiệp phải cung cấp cho các cơ quan khác nhau (hải quan, quản lý chuyên ngành), PLVN chưa đáp ứng được yêu cầu này của cam kết.<br><br>- Liệu có cách hiểu "một bộ hồ sơ hành chính duy nhất không" (single set of documents)?<br><br>Nếu hiểu theo cách này thì cam kết hầu như không có ý nghĩa, bởi để làm thủ tục hải quan (chung hoặc chuyên ngành) ở mỗi cơ quan bao giờ cũng chỉ có một bộ hồ sơ.<br><br>**Đề xuất**<br><br>Cần xem xét một cách cụ thể để xác định nghĩa thực của cam kết.<br><br>Trong mọi trường hợp PLVN đều chưa đáp ứng được yêu cầu ở khoản này của EVFTA, và vì vậy cần được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp.<br><br>Ngoài ra, vấn đề này gắn nhiều với việc triển khai trên thực tế (ví dụ hiện một số hàng hóa khi xuất nhập khẩu về nguyên |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | | tắc đã có thể thực hiện theo Cơ chế một cửa quốc gia nhưng trên thực tế có rất nhiều vướng mắc, trong đó có vướng mắc về việc các loại giấy tờ không được cấp theo cùng hình thức, có loại điện tử, có loại giấy, dẫn tới việc nộp, xuất trình theo phương thức điện tử chung là rất khó khăn). Vì vậy, bên cạnh việc điều chỉnh văn bản pháp luật để thực thi cam kết này, cần có cơ chế để hỗ trợ, giám sát triển khai thực hiện. |
| 3. The Parties shall apply modern customs techniques, including risk assessment and post- clearance audit methods in order to simplify and facilitate the entry and the release of goods. | **Luật Hải quan**<br>***Điều 8. Hiện đại hóa quản lý hải quan***<br>1. Nhà nước ưu tiên đầu tư thiết bị kỹ thuật, phương tiện hiện đại, công nghệ tiên tiến để bảo đảm hiệu quả quản lý hải quan; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghệ và phương tiện kỹ thuật tiên tiến để bảo đảm áp dụng phương pháp quản lý hải quan hiện đại. Tổ chức, cá nhân hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu có trách nhiệm tham gia xây dựng, thực hiện giao dịch điện tử và thủ tục hải quan điện tử.<br>***Điều 17. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan***<br>1. Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải; hỗ trợ hoạt động phòng, chống buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng | **Đánh giá**<br>PLVN đã tuân thủ cam kết tại khoản này của EVFTA<br>**Đề xuất**<br>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật |

| | | |
|---|---|---|
| | hóa qua biên giới.<br><br>2. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan bao gồm việc thu thập, xử lý thông tin hải quan; xây dựng tiêu chí và tổ chức đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro; tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý hải quan phù hợp.<br><br>3. Cơ quan hải quan quản lý, ứng dụng hệ thống thông tin nghiệp vụ để tự động tích hợp, xử lý dữ liệu phục vụ việc áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.<br><br>4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro và việc áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.<br><br>Điều 77. Kiểm tra sau thông quan<br><br>1. Kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa; kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện sau khi hàng hóa đã được thông quan.<br><br>Việc kiểm tra sau thông quan nhằm đánh giá tính chính xác, trung thực nội dung các chứng từ, hồ sơ mà người khai hải quan đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan | |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | hải quan; đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan và các quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan.<br><br>2. Kiểm tra sau thông quan được thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quan, trụ sở người khai hải quan.<br><br>Trụ sở người khai hải quan bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, cửa hàng, nơi sản xuất, nơi lưu giữ hàng hóa.<br><br>3. Thời hạn kiểm tra sau thông quan là 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.<br><br>Điều 78. Các trường hợp kiểm tra sau thông quan<br><br>1. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan và quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu.<br><br>2. Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này thì việc kiểm tra sau thông quan được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.<br><br>3. Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của người khai hải quan.<br><br>**Nghị định 08/2015/NĐ-CP**<br><br>***Điều 7***. Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia<br><br>Việc khai hải quan, tiếp nhận, xử lý thông tin của người khai, tiếp nhận kết | |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | quả xử lý, ra quyết định cuối cùng về thông quan đều được thực hiện thông qua hệ thống thông tin tích hợp (điện tử) – Công thông tin một cửa quốc gia<br><br>Điều 25 quy định khai hải quan phải thực hiện theo phương thức điện tử (trừ một số ít trường hợp được liệt kê)<br><br>***Điều 13, 15***(đã trích dẫn ở trên)**:** Quy định cụ thể về cơ chế phân loại rủi ro | |
| 4. The Parties shall promote the progressive development and use of systems, including those based upon Information Technology, to facilitate the electronic exchange of data between traders, customs administrations and other related agencies. | **Luật Hải quan**<br><br>***Điều 8.*** Hiện đại hóa hệ thống hải quan<br><br>**Điều 24. Hồ sơ hải quan**<br><br>3. Hồ sơ hải quan được nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan tại trụ sở cơ quan hải quan.<br><br>Trường hợp áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành gửi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra, miễn kiểm tra chuyên ngành dưới dạng điện tử thông qua hệ thống thông tin tích hợp.<br><br>**Nghị định 08/2015/NĐ-CP**<br><br>***Điều 7***. Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia<br><br>Việc khai hải quan, tiếp nhận, xử lý thông tin của người khai, tiếp nhận kết | **Đánh giá**<br><br>Việt Nam đã có những nỗ lực (qua các quy định pháp luật và thực tiễn thực thi) trong việc thúc đẩy hải quan điện tử, Cơ chế một cửa quốc gia (mà ở đó các trao đổi dữ liệu giữa người khai hải quan, cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý chuyên ngành được thực hiện dưới dạng điện tử).<br><br>Vì vậy về cơ bản VN đã đáp ứng yêu cầu này của EVFTA.<br><br>Tuy nhiên, do các mục tiêu Cơ chế một cửa quốc gia và hải quan điện tử của Việt Nam vẫn đang trong quá trình triển khai từng bước, chưa hoàn tất, do đó nếu chiếu với cam kết này, Việt Nam vẫn cần tiếp tục triển khai các nỗ lực này.<br><br>**Đề xuất**<br><br>Tiếp tục các nỗ lực pháp lý và thực tiễn thi hành để thực thi cam kết này của |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | quả xử lý, ra quyết định cuối cùng về thông quan đều được thực hiện thông qua hệ thống thông tin tích hợp (điện tử) – Công thông tin một cửa quốc gia<br><br>Thông tư liên tịch 98/2010/TTLT/BTC-BNNPTNT-BYT của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến người nộp thuế, quản lý nhà nước về hải quan, nông nghiệp và y tế | EVFTA |
| **Article 6**<br><br>**Transit and Transhipment**<br><br>1. Each Party shall ensure the facilitation and effective control of transhipment operations and transit movements through their respective territories.<br><br>2. Each Party shall ensure cooperation and coordination between all concerned authorities and agencies in their respective territories to facilitate traffic in transit. | Điều 12, Điều 14, Điều 16, Điều 38, Điều 39, Điều 56, Điều 64, Điều 68, Điều 69, Điều 65 Luật Hải quan 2014<br><br>Chương VII Nghị định số 187/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài<br><br>Điều 10 Thông tư 04/2014/TT-BCT của Bộ Công thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 187/2013/NĐ-CP | **Đánh giá:**<br><br>Việt Nam đã có các quy định về quá cảnh và hàng trung chuyển phù hợp với cam kết về nguyên tắc trong EVFTA tại Điều này.<br><br>Tuy nhiên, cam kết EVFTA không chỉ đòi hỏi về việc có quy định mà yêu cầu về "hiệu quả thực hiện", đặc biệt là "đảm bảo tạo thuận lợi", "bảo đảm hiệu quả kiểm soát", "bảo đảm hợp tác và phối hợp". Trong khi đó, về mặt hiệu quả, hoạt động hải quan nói chung và hoạt động hải quan liên quan tới việc quá cảnh và chuyển khẩu, mặc dù đã có nhiều nỗ lực mang lại những bước cải thiện đáng kể, hiệu quả các hoạt động này vẫn còn hạn chế đáng kể.<br><br>**Đề xuất**<br><br>Tiếp tục các nỗ lực cải cách hành chính |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | | trong thực thi, triển khai các quy định hải quan về quá cảnh và chuyển khẩu |
| **Article 7**<br><br>**Risk Management**<br><br>1. Each Party shall base its examination and release procedures and its post-clearance audit procedures on risk assessment principles and audits, rather than examining each shipment in a comprehensive manner for compliance with all import requirements.<br><br>2. The Parties agree to adopt and apply their import, export, transit and transhipments control requirements and procedures for goods on the basis of risk management principles, to be applied to focus compliance measures on transactions that merit attention. | Điều 16, Điều 17, Điều 31, Điều 33.3, Điều 38.3 Luật Hải quan 2014<br><br>***Điều 17. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan***<br><br>1. Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải; hỗ trợ hoạt động phòng, chống buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.<br><br>2. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan bao gồm việc thu thập, xử lý thông tin hải quan; xây dựng tiêu chí và tổ chức đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro; tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý hải quan phù hợp.<br><br>***Điều 33. Kiểm tra thực tế hàng hóa***<br><br>1. Hàng hóa thuộc một trong các trường hợp sau đây được miễn kiểm tra thực tế:<br><br>a) Hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp;<br><br>b) Hàng hóa chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh;<br><br>c) Hàng hóa thuộc trường hợp đặc biệt khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.<br><br>2. Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều | **Đánh giá**<br><br>PLVN đã tuân thủ cam kết tại khoản này của EVFTA<br><br>**Đề xuất**<br><br>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | này mà phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật phải được kiểm tra thực tế.<br><br>3. Hàng hóa không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, việc kiểm tra thực tế được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.<br><br>**Nghị định 08/2015/NĐ-CP**<br><br>***Điều 13. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan***<br><br>1. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra và các biện pháp nghiệp vụ khác dựa trên việc tổng hợp, xử lý các kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro.<br><br>***Điều 15. Thực hiện phân loại mức độ rủi ro***<br><br>1. Việc phân loại mức độ rủi ro trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được thực hiện dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của người khai hải quan.<br><br>2. Trong quá trình phân loại mức độ rủi ro, cơ quan hải quan xem xét các yếu tố liên quan, gồm:<br><br>a) Chính sách quản lý, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hành lý của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;<br><br>b) Tính chất, đặc điểm của hàng hóa, hành | |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | lý, phương tiện vận tải;<br><br>c) Tần suất, tính chất, mức độ vi phạm liên quan đến hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải;<br><br>d) Xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh;<br><br>đ) Tuyến đường, phương thức vận chuyển hàng hóa, hành lý;<br><br>e) Các yếu tố khác liên quan đến quá trình hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.<br><br>3. Cơ quan hải quan thực hiện đánh giá phân loại rủi ro đối với người khai hải quan, các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo các mức độ khác nhau để áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan, thanh tra phù hợp. | |
| **Article 8**<br><br>**Transparency**<br><br>1. Each Party shall ensure that its customs and other trade-related laws, regulations and general administrative procedures and other requirements, including fees and charges, are readily available to all interested parties and where feasible and possible, official website.<br><br>2. Each Party shall designate or maintain one or more inquiry or information points | **Luật Ban hành VBQPPL**<br><br>Điều 150. Đăng Công báo văn bản quy phạm pháp luật<br><br>1. Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan ở trung ương phải được đăng Công báo nước CHXHCN Việt Nam, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.<br><br>4. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm | **Đánh giá**<br><br>1. PLVN đã có quy định buộc công bố tất cả các VBQPPL cấp trung ương (các nội dung về hải quan, bao gồm cả quy định về phí, lệ phí, đều là các quy định trong các văn bản cấp trung ương) trên Công báo.<br><br>Trên thực tế, yêu cầu (không bắt buộc) của EVFTA về việc đăng tải trên website cũng đã được thực |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| to address inquiries within a reasonable time by interested persons concerning customs and other trade-related matters. | pháp luật phải gửi văn bản đến cơ quan Công báo để đăng Công báo hoặc niêm yết công khai.<br><br>Cơ quan Công báo có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm pháp luật trên Công báo chậm nhất là 15 ngày đối với văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan trung ương ban hành<br><br>Điều 157. Đăng tải và đưa tin văn bản quy phạm pháp luật<br><br>VBQPPL do các cơ quan nhà nước ở trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành phải được đăng tải toàn văn trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành và đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.<br><br>Văn bản quy phạm pháp luật đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật có giá trị sử dụng chính thức.<br><br>Điều 19.2, Điều 93, Điều 94, Điều 95 **Luật Hải quan 2014**<br><br>Điều 19.2 quy định nghĩa vụ của công chức hải quan là "hướng dẫn người khai hải quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu"<br><br>**Nghị định 66/2008/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp** | hiện:<br><br>- Cổng thông tin một cửa quốc gia, website của Tổng cục Hải quan cũng như các Cục Hải quan địa phương cũng đăng tải các VBQPPL liên quan tới hải quan;<br><br>- Website của các Bộ quản lý ngành cũng đăng tải các VBQPPL thuộc lĩnh vực Bộ quản lý, trong đó có văn bản về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.<br><br>2. Hiện chưa có VBQPPL nào quy định bắt buộc về việc thiết lập, duy trì các đầu mối giải đáp pháp luật về hải quan và những vấn đề liên quan (trừ quy định chung về trách nhiệm giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp theo Nghị định 66/2008/NĐ-CP). Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều điểm tư vấn về hải quan đã được thiết lập:<br><br>- Mục tư vấn trên các trang thông tin điện tử của Hải quan Việt Nam và Hải quan các địa phương<br><br>- Các đầu mối, tổ giải đáp, tư vấn hải quan cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân của ngành Hải quan (theo văn bản hướng dẫn của ngành)<br><br>- Mục Hỗ trợ trực tuyến trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (tuy |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | Điều 10 có quy định về việc giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp thông qua các hình thức văn bản, mạng, trực tiếp, điện thoại.<br><br>Quy chế 1915/QĐ-TCHQ ngày 17/10/2007 về việc ban hành Quy chế công tác tuyên truyền hỗ trợ cung cấp thông tin cho người khai hải quan, người nộp thuế<br><br>(chú ý văn bản này không phải là văn bản pháp luật, chỉ là văn bản điều hành, có hiệu lực nội bộ) | nhiên mục này hiện lại chỉ bao gồm các phương thức liên lạc bằng điện thoại và email, không cho phép tương tác trực tuyến như tên gọi)<br><br>Tất cả các hình thức tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin qua các đầu mối này đều được thực hiện miễn phí.<br><br>- Ở các cơ quan chuyên môn có nội dung quản lý về xuất nhập khẩu đối với các loại hàng hóa cụ thể cũng có một số đầu mối giải đáp (phổ biến là các Mục Tư vấn, Hỏi-đáp trên trang thông tin điện tử chính thức của Bộ). Tuy nhiên, cũng tương tự như trường hợp của Hải quan, các đầu mối giải đáp này không dựa trên các quy định tại văn bản pháp luật chính thức mà chủ yếu là theo văn bản quản lý nội bộ, thực hiện chương trình cải cách thủ tục hành chính của Bộ.<br><br>3. Về yêu cầu giải đáp các thắc mắc, câu hỏi của các chủ thể liên quan "trong khoảng thời gian hợp lý".<br><br>Do chưa có quy định bắt buộc về cơ chế giải đáp, hiện việc giải đáp, tư vấn doanh nghiệp, nếu có, được thực hiện theo cơ chế nội bộ của các cơ quan liên quan. Do đó, không có gì |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | | đảm bảo chắc chắn về việc đáp ứng thời hạn "hợp lý" trong thực tiễn tư vấn, giải đáp cho doanh nghiệp.<br>**Đề xuất**<br>1. Liên quan tới việc công khai VBQPPL: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật<br>2. Liên quan tới việc thiết lập các đầu mối tư vấn, hướng dẫn:<br>Cần chú ý rằng bên cạnh nghĩa vụ theo EVFTA này, Việt Nam cũng có nghĩa vụ (thậm chí chi tiết và nhiều yêu cầu hơn) theo Hiệp định TFA của WTO.<br>Vì vậy, kết hợp giữa yêu cầu tại EVFTA, TFA và nhu cầu thực tiễn (tăng tính hiệu lực, ổn định và thống nhất và chuyên sâu trong hoạt động của các điểm giải đáp đang tồn tại), có lẽ nên pháp điển hóa thực tiễn này bằng một quy định pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn, ít nhất trong lĩnh vực hải quan.<br>Vì vậy, đề nghị xây dựng mới *01 Nghị định về công khai, minh bạch thông tin và tham vấnvề thủ tục hải quan*, trong đó có 01 điều khoản về điểm giải đáp với quy định:<br>- Bắt buộc thiết lập đầu mối giải đáp |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | | thông tin tại mỗi Cục, Chi cục hải quan địa phương<br>- Chức năng của các đầu mối giải đáp thông tin này bao gồm ít nhất bao gồm các nội dung như tại Khoản 3.1 Điều 1 Hiệp định TFA ; khuyến nghị nên mở rộng chức năng của các đầu mối giải đáp này để không chỉ bao gồm việc giải đáp mà còn cả việc cung cấp thường xuyên, cập nhật các thông tin yêu cầu tại Khoản 1.1 Điều 1 Hiệp định TFA (để doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có đầu mối thông tin tổng hợp, không phải đi tìm kiếm thông tin ở từng địa điểm riêng lẻ khác, dù rằng ở các địa điểm đó các thông tin này vẫn được công khai);<br>- Các Bộ, Sở quản lý chuyên ngành có trách nhiệm cung cấp thông tin và phối hợp giải đáp các vấn đề liên quan tới thủ tục xuất nhập khẩu của hàng hóa thuộc lĩnh vực chuyên ngành của mình với Đầu mối giải đáp đặt tại các Cục, Chi cục hải quan. |
| **Article 9**<br>**Advance Rulings**<br>1. Upon written request from traders each Party shall issue, through its customs | Điều 4.26, Điều 14.16, Điều 18.1, Điều 18.2, và Điều 28 Luật Hải quan 2014<br>Điều 24Nghị định 08/2015/NĐ-CP<br>Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan, | **Đánh giá**<br>1. PLVN đã đáp ứng hoàn toàn cam kết về Xác định trước trong Điều 9 EVFTA, bao gồm: |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| authorities, prior to the importation of a good into its territory written advance rulings, in accordance with the parties' laws and regulations, on tariff classification or any other matter as the Parties may agree upon.<br><br>2. Subject to any confidentiality requirements in its law each Party shall publish, e.g. on the Internet, its advance rulings on tariff classification and any matters as the Parties may agree upon.<br><br>3. To facilitate trade, the Parties shall include in their bilateral dialogue regular updates on changes in their respective legislation on advance rulings. | giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK:Quy định chi tiết về thủ tục, điều kiện xác định trước (đối với 03 vấn đề: phân loại thuế quan, xuất xứ hàng hóa và trị giá hải quan)<br><br>***Luật Hải quan***<br><br>Điều 28. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan<br><br>1. Trong trường hợp người khai hải quan đề nghị cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu, người khai hải quan cung cấp thông tin, chứng từ liên quan, mẫu hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan hải quan để cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan.<br><br>Trường hợp không thể cung cấp mẫu hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu, người khai hải quan phải cung cấp tài liệu kỹ thuật liên quan đến hàng hóa đó.<br><br>2. Cơ quan hải quan căn cứ quy định của pháp luật về phân loại hàng hóa, xuất xứ, trị giá hải quan và các thông tin, chứng từ liên quan do người khai hải quan cung cấp để xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan và có văn bản thông báo cho người khai hải quan biết kết quả xác định trước. Trường hợp không đủ cơ sở hoặc thông tin để xác định theo yêu cầu của người khai hải quan, cơ quan hải quan | - Cơ chế về việc xác định trước (PLVN quy định về 03 vấn đề có thể được xác định trước, nhiều hơn yêu cầu bắt buộc trong EVFTA)<br>- Cơ chế công khai kết quả Xác định trước trên Internet<br>2. Vấn đề quy định trong khoản 3 Điều 9 không thuộc phạm vi của pháp luật nội địa<br><br>**Đề xuất**<br><br>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | thông báo cho người khai hải quan hoặc đề nghị bổ sung thông tin, chứng từ liên quan.<br><br>3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo kết quả xác định trước, nếu người khai hải quan không đồng ý với kết quả xác định trước thì có quyền yêu cầu cơ quan hải quan xem xét lại kết quả xác định trước. Cơ quan hải quan có trách nhiệm xem xét và trả lời kết quả cho người khai hải quan trong thời hạn quy định.<br><br>4. Văn bản thông báo kết quả xác định trước có giá trị pháp lý để cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan khi hàng hóa thực xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với thông tin, chứng từ liên quan, mẫu hàng hóa mà người khai hải quan đã cung cấp.<br><br>***Nghị định 08/2015/NĐ-CP***<br><br>***Điều 24. Thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan***<br><br>3. Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan:<br><br>a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Tổng cục Hải quan có văn bản từ chối xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan gửi tổ chức, cá nhân đối với trường hợp không đủ điều kiện, hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan;<br><br>b) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan | |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ (đối với trường hợp thông thường) hoặc 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ). Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được gửi cho tổ chức, cá nhân, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang điện tử của Tổng cục Hải quan. | |
| **Article 10**<br><br>**Fees and charges**<br><br>1. Fees and charges shall only be imposed for services provided in connection with the importation or exportation in question. They shall not exceed the approximate cost of the service provided; and shall not be calculated on an ad valorem basis.<br><br>2. Neither Party shall require consular transactions[3], including related fees and charges, in connection with the importation of or exportation to of goods to the other Party. After three years of entry into force of this Agreement, a Party may not require consular authentication for the importation of goods covered by | Điều 21 Luật Hải quan 2014<br><br>Điều 21. Thủ tục hải quan<br><br>1. Khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan có trách nhiệm:<br><br>c) Nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan.<br><br>2. Khi làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan, công chức hải quan có trách nhiệm:<br><br>c) Tổ chức thu thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan; | **Đánh giá**<br><br>1. Về mức phí, lệ phí trong lĩnh vựchải quan:<br><br>- PLVN không có quy định về việc tính phí, lệ phí dựa trên giá trị hàng hóa;<br><br>- PLVN gián tiếp đề cập tới việc không thu lợi nhuận từ việc thu phí, lệ phí (có thể hiểu là mức phí, lệ phí sẽ không vượt quá chi phí bỏ ra để cung cấp dịch vụ liên quan)<br><br>2. Về thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự<br><br>- PLVN không có yêu cầu nào về việc cần hợp pháp hóa lãnh sự đối |

[3] Consular transactions means the procedure of obtaining from a consul of the importing Party in the territory of the exporting Party, or in the territory of a third party, a consular invoice or a consular visa for a commercial invoice, certificate of origin, manifest, shippers' export declaration or any other customs documentation in connection with the importation of the good.

| | | |
|---|---|---|
| this Agreement.<br><br>3. The information on fees and charges shall be published via an officially designated medium, and where feasible and possible, official website. This information shall include the reason for the fee or charge for the service provided, the responsible authority, the fees and charges that will be applied, and when and how payment is to be made.<br><br>4. New or amended fees and charges shall not be imposed until information in accordance with paragraph 3 is published and made readily available. | Điều 12 đến Điều 16 Pháp lệnh Phí, lệ phí 2001<br><br>- Điều 12: mức thu phí phải đảm bảo thu hồi vốn trong thời gian hợp lý, có tính đến chính sách của nhà nước<br><br>- Điều 13: Mức thu lệ phí không nhằm mục đích bù đắp chi phí<br><br>- Điều 16: Thông báo công khai tại điểm thu phí<br><br>Nghị định 57/2002/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định 24/2006/NĐ-CP) hướng dẫn Pháp lệnh Phí, lệ phí<br><br>- Điều 9: Mức thu lệ phí được ấn định trước bằng một số tiền nhất định đối với từng công việc quản lý nhà nước được thu lệ phí, không nhằm mục đích bù đắp chi phí để thực hiện công việc thu lệ phí<br><br>- Điều 14: Mức thu phí nhằm mục đích bù đắp chi phí, bảo đảm thu hồi vốn trong thời gian hợp lý<br><br>- Phụ lục quy định chi tiết danh mục phí, lệ phí trong các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực hải quan<br><br>Thông tư 172/2010/TT-BTC về phí, lệ phí trong lĩnh vực hải quan<br><br>Phụ lục quy định cụ thể về mức phí, lệ phí, thời điểm nộp | với các giấy tờ liên quan xuất nhập khẩu;<br><br>- VN đang thực hiện việc nghiên cứu, lấy ý kiến các đơn vị liên quan để chuẩn bị hồ sơ đề trình Chính phủ để gia nhập Công ước về hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ hành chính (chắc chắn sẽ trước thời điểm 3 năm kể từ ngày EVFTA có hiệu lực)<br><br>3. Về việc thông báo các quy định về mức phí, lệ phí (bao gồm cả các sửa đổi):<br><br>Các quy định về mức phí, lệ phí hiện được nêu trong các Thông tư của Bộ Tài chính. Việc ban hành các Thông tư này tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về ban hành VBQPPL (trong đó có yêu cầu về công khai và thời gian có hiệu lực phù hợp với EVFTA).<br><br>**Đề xuất**<br><br>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | **Luật Ban hành VBQPPL**<br>Điều 150. Đăng Công báo văn bản quy phạm pháp luật<br>1. Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan ở trung ương phải được đăng Công báo nước CHXHCN Việt Nam, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước. | |
| **Article 11**<br>**Customs Brokers**<br>The Parties agree that their respective customs provisions and procedures shall not require the mandatory use of customs brokers. The Parties shall apply transparent, non-discriminatory and proportionate rules if and when licensing customs brokers. | Điều 20 Luật Hải quan 2014<br>Thông tư 12/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30/01/2015 về việc quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan<br>**Luật Hải quan**<br>Điều 3.14. Người khai hải quan bao gồm: chủ hàng hóa; chủ phương tiện vận tải; người điều khiển phương tiện vận tải; đại lý làm thủ tục hải quan, người khác được chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.<br>Điều 20. Đại lý làm thủ tục hải quan<br>1. Điều kiện là đại lý làm thủ tục hải quan:<br>a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa hoặc đại lý | **Đánh giá**<br>PLVN đã tuân thủ cam kết tại khoản này của EVFTA<br>**Đề xuất**<br>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | làm thủ tục hải quan;<br><br>b) Có nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;<br><br>c) Có hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng điều kiện để thực hiện khai hải quan điện tử và các điều kiện khác theo quy định.<br><br>2. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan là công dân Việt Nam đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:<br><br>a) Có trình độ cao đẳng kinh tế, luật, kỹ thuật trở lên;<br><br>b) Có chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;<br><br>c) Được cơ quan hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.<br><br>3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định việc công nhận, tạm dừng, chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan; cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.<br><br>4. Đại lý làm thủ tục hải quan và nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan quy định tại Điều 18 của Luật này.<br><br>5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, cấp và thu hồi mã số nhân viên đại | |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | lý làm thủ tục hải quan. | |
| **Article 12**<br><br>**Customs valuation**<br><br>1. The Parties shall determine the customs value of goods in accordance with the Agreement on the Implementation of Article VII of the GATT (1994).<br><br>2. The Parties shall cooperate with a view to reaching a common approach to issues relating to customs valuation. | Điều 86 Luật Hải quan 2014<br><br>Mục 3 Nghị định 08/2015/NĐ-CP<br><br>Luật Hải quan<br><br>**Điều 86. Trị giá hải quan**<br><br>1. Trị giá hải quan được sử dụng làm cơ sở cho việc tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.<br><br>2. Trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm phí bảo hiểm và phí vận tải quốc tế.<br><br>3. Trị giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.<br><br>***Nghị định 08/2015/NĐ-CP***<br><br>Điều 20. Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan<br><br>1. Đối với hàng hóa xuất khẩu: Trị giá hải quan hàng xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế và phí vận tải quốc tế. Giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất là giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc các hình thức có | **Đánh giá**:<br><br>1. PLVNđã được sửa đổi để phù hợp với các quy định của Hiệp định về trị giá hải quan của WTO, do đó, đã đáp ứng yêu cầu tại cam kết ở khoản 1 Điều 12.<br>2. Cam kết tại khoản 2 Điều 12 không thuộc phạm vi của pháp luật nội địa<br><br>**Đề xuất:**<br><br>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật<br>- Trong quá trình thực thi EVFTA, cần chú ý nghĩa vụ hợp tác với EU để đạt được thỏa thuận về cách tính chung đối với trị giá hải quan theo yêu cầu của EVFTA. |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | giá trị pháp lý tương đương hợp đồng, hóa đơn thương mại và các chứng từ có liên quan của lô hàng phù hợp với hàng hóa thực xuất khẩu.<br><br>2. Đối với hàng hóa nhập khẩu: Trị giá hải quan hàng nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên trên cơ sở áp dụng Hiệp định chung về thuế quan và thương mại hoặc theo các cam kết quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết. Cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định như sau:<br><br>a) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu nhập đầu tiên là cảng dỡ hàng ghi trên vận đơn;<br><br>b) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu nhập đầu tiên là ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới;<br><br>c) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường sông, cửa khẩu nhập đầu tiên là cửa khẩu biên giới nơi hàng hóa nhập khẩu đi vào lãnh thổ Việt Nam. | |
| **Article 13**<br><br>**Pre-shipment Inspections**<br><br>The Parties agree that their respective customs provisions and procedures shall not require the mandatory use of preshipment inspections as defined in the WTO Agreement on Preshipment Inspection, or any other inspection | Chương III - Thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan Luật Hải quan 2014 | **Đánh giá**:<br><br>Pháp luật hải quanhiện không có quy định nào về việc bắt buộc phải kiểm soát hồ sơ xuất nhập khẩu (kiểm soát giá, số lượng, chất lượng…) theo nghĩa tại Hiệp định kiểm định trước khi lên tàu của WTO hay các kiểm tra/kiểm định bắt buộc bởi các công ty tư nhân tại cảng đến trước khi |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| activity performed at destination, before customs clearance, by private companies. | | thông quan (mà chỉ có các quy định về kiểm tra chuyên ngành thực hiện bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi hàng đến và trước thông quan).<br>**Đề xuất:**<br>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật |
| **Article 14**<br>**Review and Appeal**<br>Each Party shall provide effective, prompt, non-discriminatory and easily accessible procedures to guarantee the right of appeal against customs and other agency administrative actions, rulings and decisions affecting import or export of goods or goods in transit. | **Luật khiếu nại 2011**<br>***Điều 3. Áp dụng pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại***<br>1. Khiếu nại của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và việc giải quyết khiếu nại được áp dụng theo quy định của Luật này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.<br>***Điều 7. Trình tự khiếu nại***<br>- Người khiếu nại khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.<br>- Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng | **Đánh giá**<br>- PLVN hiện hành đã có quy định phù hợp với các yêu cầu tại Điều 14 về:<br>+ Đã có cơ chế khiếu nại, khiếu kiện đảm bảo quyền khiếu nại, khiếu kiện đối với các quyết định hành chính liên quan tới xuất nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa<br>+ Các cơ chế này áp cho các chủ thể theo cách không phân biệt đối xử - mọi chủ thể đều có thể tiếp cận các cơ chế này<br>+ Các quy trình, thời hạn quy định trong các cơ chế này cơ bản đã phù hợp (không dài hơn với các cơ chế giải quyết khiếu nại, khiếu kiện khác)<br>+ Quy trình riêng cho phép yêu cầu xem xét lại ngay (kiểm tra lần 2) trong một số quyết định của cơ quan hải quan |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | hành chính.<br><br>- Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.<br><br>**Pháp luật Hải quan**<br><br>- Quy trình riêng cho phép khiếu nại kết quả kiểm tra lần đầu đối với kết quả Xác định trước, kết quả Kiểm tra thực tế hàng hóa;<br>- Các trường hợp khác dẫn chiếu tới pháp luật khiếu nại, khiếu kiện (liên quan tới các trường hợp không đồng ý với Kết quả phân loại hàng hóa, Kết quả xác định số thuế phải nộp)<br><br>**Luật Tố tụng hành chính**<br><br>Điều 2. Hiệu lực của Luật tố tụng hành chính<br><br>1. Luật tố tụng hành chính được áp dụng đối với mọi hoạt động tố tụng hành chính trên toàn lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.<br><br>2. Luật tố tụng hành chính được áp dụng đối với hoạt động tố tụng hành chính do cơ quan đại diện ngoại giao của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiến hành ở nước ngoài.<br><br>3. Luật tố tụng hành chính được áp dụng | - Về yêu cầu "hiệu quả": Đây là vấn đề thuộc về thực thi, không đánh giá được từ góc độ pháp luật. Tuy nhiên, về cơ bản thì mặc dù đã có các nỗ lực đáng kể, vấn đề giải quyết khiếu nại, khiếu kiện hành chính vẫn còn nhiều vướng mắc, đặc biệt liên quan tới tố tụng hành chính (lý do chính dẫn tới yêu cầu sửa đổi ban hành mới Luật tố tụng hành chính 2015)<br><br>**Đề xuất**<br><br>- Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật<br>- Cần chú ý tiếp tục các nỗ lực tăng cường hiệu quả của các cơ chế khiếu nại, khiếu kiện, đặc biệt liên quan |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | đối với việc giải quyết vụ án hành chính có yếu tố nước ngoài; trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.<br><br>Điều 28. Những khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án<br><br>1. Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, trừ các quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định và các quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức. | |
| **Article 15**<br><br>**Relations with the Business Community** | | |
| The Parties agree:<br><br>(a) on the need for timely consultations with trade representatives on legislative proposals and general procedures related to customs and trade facilitation issues. To that end, appropriate consultation between administrations and the business community shall be established by each Party; | Luật Ban hành VBQPPL 2015<br><br>Điều 6. Tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật<br><br>1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác, cá nhân có quyền và được tạo điều kiện góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. | **Đánh giá**<br><br>- PLVN đã đáp ứng yêu cầu của EVFTA về việc lấy ý kiến đại diện cộng đồng doanh nghiệp với các dự thảo VBPL (trong đó có các quy trình áp dụng chung) trong lĩnh vực hải quan;<br>- Trên thực tế, cơ quan hải quan đã có các cơ chế đối thoại định kỳ với doanh nghiệp (ở cấp Trung ương và một số địa phương)<br><br>**Đề xuất** |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | 2. Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật.<br><br>3. Ý kiến tham gia về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình chỉnh lý dự thảo văn bản.<br><br>**Điều 36. Lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh**<br><br>1. Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh có trách nhiệm sau đây:<br><br>a) Đăng tải báo cáo tổng kết, báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức có đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày;<br><br>b) Lấy ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức họp để lấy ý kiến về những chính sách cơ bản trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; | - Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật<br>- Đề nghị cân nhắc có quy định riêng trong nội bộ ngành Hải quan về cơ chế đối thoại định kỳ bắt buộc giữa các Cơ quan hải quan với doanh nghiệp ở cấp địa phương (để thông lệ hiện nay ở một số địa phương trở thành thông lệ chung) với best practice là Cơ chế đối thoại Thuế - Hải quan cấp trung ương (trả lời trực tiếp – tổng hợp sau đối thoại – công khai bản tổng hợp…) |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | **Điều 55. Nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết**<br><br>3. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự án, dự thảo và đăng tải dự án, dự thảo trên cổng thông tin điện tử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Luật này và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo; tổng hợp và nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý; đăng tải báo cáo giải trình, tiếp thu và dự thảo văn bản đã được chỉnh lý trên cổng thông tin điện tử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Luật này và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo.<br><br>**Điều 57. Lấy ý kiến đối với dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết**<br><br>1. Trong quá trình soạn thảo văn bản, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và cơ quan, tổ chức có liên quan; nêu những vấn đề cần xin ý kiến phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến và xác định, cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến; đăng tải toàn văn dự thảo văn bản và tờ trình trên cổng thông tin điện tử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Luật này và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo trong thời gian ít nhất là 60 ngày, trừ những văn bản được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến. Trong thời gian dự thảo đang được lấy ý kiến, nếu cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại dự thảo văn bản mà khác với dự thảo đã đăng tải trước đó thì phải đăng lại dự thảo văn bản đã được chỉnh lý.<br><br>Đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.<br><br>2. Ngoài đăng tải để lấy ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều này, việc lấy ý kiến có thể thông qua hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo, tọa đàm, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.<br><br>3. Cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý và đăng tải nội dung giải trình, tiếp thu trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và cổng thông tin điện tử của cơ quan, | |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | tổ chức mình để Nhân dân biết.<br><br>4. Đối với dự án, dự thảo do đại biểu Quốc hội soạn thảo, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Viện nghiên cứu lập pháp có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại Điều này.<br><br>**Điều 102. Thẩm định dự thảo thông tư**<br><br>1. Tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm thẩm định dự thảo thông tư trước khi trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.<br><br>Đối với thông tư có quy định ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích của người dân, doanh nghiệp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc do tổ chức pháp chế chủ trì soạn thảo thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thành lập hội đồng tư vấn thẩm định có sự tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học. | |
| (b) to publish or otherwise make available, as far as possible through electronic means, and new legislation and general procedures related to customs and trade facilitation issues prior to the application of any such legislation and procedures, as well as changes to and interpretations of such legislation and procedures. They shall also make publicly available relevant notices of an administrative nature, including agency requirements and entry procedures, hours of operation and operating procedures for customs offices at ports and border crossing points, and points of contact for information enquiries; | **Luật Ban hành VBQPPL**<br><br>Điều 150. Đăng Công báo văn bản quy phạm pháp luật<br><br>1. Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan ở trung ương phải được đăng Công báo nước CHXHCN Việt Nam, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.<br><br>4. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải gửi văn bản đến cơ quan Công báo để đăng Công báo hoặc niêm yết công khai.<br><br>Cơ quan Công báo có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm pháp luật trên Công báo chậm nhất là 15 ngày đối với | **Đánh giá**<br><br>PLVN đã đáp ứng yêu cầu này của EVFTA<br><br>**Đề xuất**<br><br>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan trung ương ban hành<br><br>Điều 157. Đăng tải và đưa tin văn bản quy phạm pháp luật<br><br>VBQPPL do các cơ quan nhà nước ở trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành phải được đăng tải toàn văn trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành và đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.<br><br>Văn bản quy phạm pháp luật đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật có giá trị sử dụng chính thức.<br><br>Điều 19.2, Điều 93, Điều 94, Điều 95 **Luật Hải quan 2014**<br><br>Điều 19.2 quy định nghĩa vụ của công chức hải quan là "hướng dẫn người khai hải quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu"<br><br>**Nghị định 66/2008/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp**<br><br>Điều 10 có quy định về việc giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp thông qua các hình thức văn bản, mạng, trực tiếp, điện thoại.<br><br>Quy chế 1915/QĐ-TCHQ ngày 17/10/2007 về việc ban hành Quy chế công tác tuyên truyền hỗ trợ cung cấp | |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| | thông tin cho người khai hải quan, người nộp thuế | |
| (c) on the need for a reasonable time period between the publication of new or amended legislation, procedures and fees or charges and their entry into force; | Luật Ban hành VBQPPL<br>**Điều 151. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật**<br>1. Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã.<br>2. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Công báo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.<br>**Điều 152. Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật**<br>1. Chỉ trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương mới được quy định hiệu lực trở về trước. | **Đánh giá**<br>PLVN đã đáp ứng yêu cầu này của EVFTA<br>**Đề xuất**<br>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật |
| (d) to ensure that their respective customs and related requirements and procedures continue to meet the needs of the trading community, follow best practices, and remain as little trade-restrictive as | ***Luật Ban hành VBQPPL***<br>Điều 170. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật<br>1. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm | **Đánh giá**<br>PLVN đã đáp ứng yêu cầu này của EVFTA<br>**Đề xuất** |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| possible. | vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật.<br><br>Cơ quan, tổ chức và công dân có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật.<br><br>2. Hoạt động rà soát văn bản phải được tiến hành thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát văn bản. Hoạt động hệ thống hóa văn bản phải được tiến hành định kỳ, kịp thời công bố Tập hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực. | Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật |
| **Article 16**<br><br>**Special committee on Customs**<br><br>1. The Parties hereby establish a Special Committee on Customs composed of representatives of the Parties. The Committee shall meet on a date and with an agenda agreed in advance by the Parties. The office of chairperson of the Committee shall be held alternately by | PLVN không quy định | **Đánh giá**<br><br>Đây không phải vấn đề thuộc pháp luật nội địa<br><br>**Đề xuất**<br><br>Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật |

DRAFT

| | | |
|---|---|---|
| each of the Parties and rotate annually. The Committee shall report to the XXX Committee.<br><br>2. The Committee shall ensure the proper functioning of this chapter, including the enforcement of Intellectual Property Rights by Customs in sub-section 3.2 of the IPR chapter, the Protocol xx on Rules of Origin, the Protocol yy on MAA and any additional customs- related provisions agreed between the Parties.<br><br>3. The Committee shall examine the need for, and take, decisions, opinions, proposals or recommendations on all issues arising from their implementation. It shall have the power to adopt decisions on mutual recognition of risk management techniques, risk standards, security controls and trade partnership programmes, including aspects such as data transmission and mutually agreed benefits. | | |

DRAFT